

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 13 tháng 06 năm 2015)
Ông Trần Thế Hùng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 12 tháng 06 năm 2015)
Ông Nguyễn Hoàng Thanh	Ủy viên
Bà Trần Thị Thu Nga	Ủy viên
Ông Nguyễn Chính Nam	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 06 năm 2015)
Ông Đỗ Khánh Dư	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 06 năm 2015)
Ông Đỗ Đình Dực	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 06 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Chính Nam	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2015)
Ông Trần Thế Hùng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2014)
Ông Nguyễn Hoàng Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Đình Dực	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015)
Bà Trần Thị Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tuấn Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 31 tháng 03 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 161.03/2016/BCKT- IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2016, từ trang 5 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Tạ Thị Hải Ninh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1613-2015-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		109.673.941.330	83.198.042.372
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		19.778.112.387	11.002.906.391
1. Tiền	111	V.1	19.778.112.387	11.002.906.391
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76.473.620.024	65.900.220.011
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	59.600.217.652	50.641.706.363
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	8.983.935.608	778.544.864
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	8.880.329.565	15.265.719.673
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(990.862.801)	(785.750.889)
III. Hàng tồn kho	140		4.767.214.087	3.776.197.384
1. Hàng tồn kho	141	V.6	4.767.214.087	3.776.197.384
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.654.994.832	2.518.718.586
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	4.066.526.463	7.500.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.557.505.736	2.492.831.477
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16a	30.962.633	18.387.109
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		62.824.761.683	50.402.065.188
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.715.477.354	600.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	3.715.477.354	600.000.000
II. Tài sản cố định	220		39.693.212.978	27.195.977.504
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	39.688.174.264	27.077.506.482
- Nguyên giá	222		54.770.511.653	38.345.400.606
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.082.337.389)	(11.267.894.124)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	5.038.714	118.471.022
- Nguyên giá	228		529.170.000	529.170.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(524.131.286)	(410.698.978)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.725.492.275	1.693.888.275
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.725.492.275	1.693.888.275
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		13.609.026.926	12.663.248.284
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	13.292.563.129	10.954.748.284
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	1.708.500.000	1.708.500.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.396.285.050)	-
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.4d	4.248.847	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.081.552.150	8.248.951.125
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	3.803.439.150	7.787.020.128
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	278.113.000	461.930.997
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		172.498.703.013	133.600.107.560

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		124.631.466.996	92.275.447.152
I. Nợ ngắn hạn	310		117.355.466.496	91.988.747.152
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	64.784.581.958	65.547.409.023
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	7.099.308.963	3.903.660.911
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16b	17.783.930.448	6.000.750.531
4. Phải trả người lao động	314		4.176.050.646	2.190.210.734
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	697.472.283	1.603.163.395
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		63.103.209	78.878.942
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	4.540.822.095	3.446.524.722
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	18.085.494.000	9.106.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		124.702.894	112.148.894
II. Nợ dài hạn	330		7.276.000.500	286.700.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	21.500.000	286.700.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	7.254.500.500	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		47.867.236.017	41.324.660.408
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	47.867.236.017	41.324.660.408
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.218.410.000	31.218.410.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.218.410.000	31.218.410.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		194.384.000	194.384.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.363.173.684	3.776.969.150
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.091.268.333	6.134.897.258
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.322.638.724	(541.643.012)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.768.629.609	6.676.540.270
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		172.498.703.013	133.600.107.560


Phạm Thị Quyên
Người lập
Ngày 31 tháng 03 năm 2016


Phạm Thị Quyên
Phụ trách kế toán




Nguyễn Tuấn Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		377.175.580.718	347.898.361.119
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.650.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	377.175.580.718	347.896.711.119
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	348.450.370.403	327.182.545.848
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		28.725.210.315	20.714.165.271
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	130.175.948	1.037.218.979
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.595.600.017	709.401.357
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.199.314.967	701.969.839
8. Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		4.444.814.845	1.878.329.993
9. Chi phí bán hàng	25		6.247.513.026	4.895.283.216
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		11.672.251.814	9.258.878.323
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.784.836.251	8.766.151.347
12. Thu nhập khác	31	VI.5	320.204.745	22.131.136
13. Chi phí khác	32	VI.6	610.574.072	777.838.734
14. Lợi nhuận khác	40		(290.369.327)	(755.707.598)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.494.466.924	8.010.443.749
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	1.660.937.315	1.386.536.266
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.7	64.900.000	(52.632.787)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.768.629.609	6.676.540.270
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		10.768.629.609	6.676.540.270
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	3.186	1.925

Phạm Thị Quyên
Người lập
Ngày 31 tháng 03 năm 2016

Phạm Thị Quyên
Phụ trách kế toán




Nguyễn Tuấn Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	12.494.466.924	8.010.443.749
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4.802.159.073	2.210.347.285
Các khoản dự phòng	03	1.601.396.962	-
(Lãi)/Lỗ CLTG hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.137.415)	7.431.518
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.892.186.664)	1.037.218.979
Chi phí lãi vay	06	1.199.314.967	701.969.839
Các khoản điều chỉnh khác	07	679.017.997	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	15.883.031.844	11.967.411.370
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(13.525.487.909)	(24.257.418.801)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(991.016.703)	(1.271.678.603)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	27.430.172.926	15.378.067.821
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(75.445.485)	(1.205.643.601)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.285.842.254)	(1.547.596.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.406.165.802)	(1.181.496.809)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.113.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(155.100.000)	(3.163.226.406)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	25.874.146.617	(4.168.581.029)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHĐ khác	21	(30.106.894.706)	(7.100.576.613)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.045.183.637	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(22.350.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	19.900.000.000	10.711.588.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.236.038.533	571.698.346
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(29.275.672.536)	4.182.709.733
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	42.460.472.000	9.566.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(26.226.477.500)	(6.835.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.058.400.000)	(7.984.687.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	12.175.594.500	(5.253.687.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	8.774.068.581	(5.239.558.296)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	11.002.906.391	16.242.464.687
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.137.415)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	19.778.112.387	11.002.906.391


Phạm Thị Quyên
Người lập
Ngày 31 tháng 03 năm 2016


Phạm Thị Quyên
Phụ trách kế toán


Nguyễn Tuấn Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Khách sạn Cây Xoài và Trung tâm dịch vụ Vận tải thuộc Liên hiệp Đường sắt Việt Nam, chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3676/2000/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101206286 thay đổi lần thứ 14 ngày 26 tháng 03 năm 2014. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14, vốn điều lệ của Công ty là 31.218.410.000 đồng, tương đương với 3.121.841 cổ phần. Phần vốn Nhà nước là 22.950.000.000 đồng, chiếm 73,51% tổng vốn điều lệ; phần vốn góp của các cổ đông khác là 8.268.410.000 đồng chiếm tỷ lệ 26,49% tổng vốn điều lệ.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh ngày 22 tháng 07 năm 2015, tỷ lệ vốn nhà nước thay đổi chỉ còn 35%, vốn góp các cổ đông khác là 65%.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 186 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 164 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vận tải hành khách đường sắt;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Dịch vụ khai thuế hải quan;
- Dịch vụ cung cấp khẩu phần ăn trên tàu hỏa;
- Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí trên cạn, dưới nước (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ kho, bãi; bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng và vật tư ngành giao thông vận tải;
- Lữ hành quốc tế;
- Quảng cáo thương mại và quảng cáo phi thương mại;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Xây dựng công trình dân dụng, kỹ thuật;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng; kinh doanh du lịch lữ hành trong và ngoài nước; dịch vụ đưa đón, ăn nghỉ, tham quan, nghỉ mát, visa, hộ chiếu; mua bán rượu, bia, nước giải khát (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí trên cạn, dưới nước (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh thương mại;
- Đại lý vận chuyển hàng hóa bằng container; và
- Kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa trong và ngoài nước.

Hoạt động chính của Công ty là: vận tải, du lịch, quảng cáo, xuất nhập khẩu và kinh doanh khách sạn, nhà hàng.

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Theo Quyết định số 1580/QĐ-ĐS ngày 30 tháng 09 năm 2014 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về việc thông qua phương án bán cổ phần của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam tại Công ty, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam đang sở hữu 2.295.000 cổ phần, chiếm 73,51% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt sẽ chào bán 1.202.356 cổ phần tương đương với 38,51% vốn điều lệ của Công ty. Số cổ phần do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam sở hữu sau khi thoái vốn là 1.092.644 cổ phần tương đương với 35% vốn điều lệ tại Công ty. Tại ngày 10 tháng 06 năm 2015, Công ty đã có Biên bản xác định kết quả bán đấu giá cổ phần của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam tại Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt. Theo đó, toàn bộ số cổ phần do Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam chào bán đã được các nhà đầu tư mua hết vào ngày 10 tháng 06 năm 2015. Như vậy, tỷ lệ vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt sau ngày 10 tháng 06 năm 2015 chỉ còn 35% vốn điều lệ của Công ty.

Theo Quyết định số 110/QĐ-RAT-HĐQT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt về việc giải thể Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển đường sắt Sài Gòn Ratracco, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định giải thể Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển đường sắt Sài Gòn Ratracco kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2014 với mục đích tinh gọn bộ máy và nâng cao hoạt động của chủ sở hữu. Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển đường sắt Sài Gòn Ratracco đã thực hiện các thủ tục thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế. Đồng thời, Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển đường sắt Sài Gòn Ratracco đã đề nghị Chi cục thuế Thị xã Dĩ An (thuộc Cục thuế tỉnh Bình Dương) thực hiện quyết toán thuế cho mục đích giải thể doanh nghiệp. Tuy nhiên, đến thời điểm kết thúc năm tài chính 2015, Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển đường sắt Sài Gòn Ratracco chưa hoàn thành các thủ tục có liên quan đến việc giải thể doanh nghiệp. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vẫn bao gồm số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển đường sắt Sài Gòn Ratracco.

Theo Quyết định số 196/QĐ-LVT ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Liên Việt, Đại hội đồng Cổ đông quyết định giải thể Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Liên Việt từ ngày 16 tháng 10 năm 2015 do công ty hoạt động không hiệu quả. Theo phương án giải thể của Công ty Liên Việt, dự kiến số tiền còn lại sau khi công ty đã thực hiện hết các nghĩa vụ nợ được dùng để chia cho các cổ đông là 2.192.905.713 đồng. Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt nắm giữ 170.850 cổ phần tương đương với 14,24% vốn điều lệ tại doanh nghiệp giải thể. Giá trị khoản đầu tư Công ty có thể được nhận lại là 312.214.951 đồng. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, do Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Liên Việt chưa hoàn thành các thủ tục có liên quan đến việc giải thể doanh nghiệp nên khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Liên Việt tiếp tục được trình bày là khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị	Mối quan hệ	Địa chỉ
Trụ sở chính	Công ty mẹ	Số 118 Lê Duẩn, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển Đường sắt Hà Nội Ratraco	Công ty con	Số 95 - 97 Lê Duẩn, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển Đường sắt Sài Gòn Ratraco	Công ty con	Số km 1710+560 Ga Sóng Thần, khu phố Bình Dương 1, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Công ty TNHH Du lịch Đường sắt Ratraco	Công ty con	Số 95 - 97 Lê Duẩn, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Công ty TNHH MTV Thương mại Đường Sắt Ratraco	Công ty con	Số 118 Lê Duẩn, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics	Công ty liên doanh	P. 201, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Q. Đống Đa, thành phố Hà Nội
Công ty TNHH Logistics đường sắt ITL	Công ty liên kết	Số 52 Trường Sơn, P. 2, Q. Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Du lịch Đường sắt Ratraco	Hà Nội	100%	Cung cấp tour du lịch, lữ hành, vận tải hành khách
2	Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển Đường Sắt Sài Gòn Ratraco	HCM	100%	Hoạt động vận tải đường sắt
3	Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển Đường Sắt Hà Nội Ratraco	Hà Nội	100%	Hoạt động vận tải đường sắt
4	Công ty TNHH MTV Thương mại Đường Sắt Ratraco	Hà Nội	100%	Quảng cáo, thương mại, dịch vụ vận tải đường sắt

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết của Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Logistics đường sắt ITL	HCM	20%	Dịch vụ vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ và đường thủy; các dịch vụ bốc xếp kho bãi và lưu giữ hàng hóa

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Góp vốn liên doanh (Tiếp theo)**

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Thông tin về công ty liên doanh của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty liên doanh	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Tỷ lệ phần sở hữu	Nơi thành lập và hoạt động chính
1	Công ty TNHH NR Greenlines Logistics	50%	49%	Thành lập tại Hà Nội; Hoạt động kinh doanh chính gồm: Dịch vụ đại lý vận chuyển hàng hóa; Dịch vụ thông quan; Dịch vụ kho bãi công-ten-nơ; Dịch vụ chế tạo và bán các loại toa xe chờ ô tô...

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	15 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình tại Công ty là phần mềm quản lý tàu. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản sửa chữa, cải tạo tàu, tài sản định kỳ, chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay hợp nhất phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THÀNH
HÀ NỘI

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	2.299.291.630	836.589.254
Tiền gửi ngân hàng	17.478.820.757	10.166.317.137
Cộng	19.778.112.387	11.002.906.391

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Nestle Việt Nam	10.954.790.000	10.255.835.000
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics	9.878.613.905	4.392.533.300
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	5.559.672.768	4.543.012.340
Phải thu ngắn hạn các khách hàng khác	33.207.140.979	31.450.325.723
Cộng	59.600.217.652	50.641.706.363
b. Phải thu ngắn hạn khách hàng là bên liên quan		
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics	9.878.613.905	4.392.533.300
Cộng	9.878.613.905	4.392.533.300

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty TNHH TM Hoa Lợi	3.100.000.000	-
Công ty TNHH TM và DV Phương Nam Phát	4.660.000.000	-
Ga Sóng Thần	1.303.359	404.625.359
Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	1.222.632.249	373.919.505
Cộng	8.983.935.608	778.544.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. Phải thu khác và Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Tạm ứng	4.861.346.524	2.837.136.087
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	7.652.667.300
Phải thu ngắn hạn khác	4.018.983.041	4.775.916.286
- <i>Phải thu cổ tức</i>	<i>3.793.213.495</i>	<i>3.793.213.495</i>
- <i>Phải thu Ga Gia Lâm</i>		<i>462.000.000</i>
- <i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>225.769.546</i>	<i>520.702.791</i>
Cộng	8.880.329.565	15.265.719.673
b. Phải thu dài hạn khác		
Ký cược ký quỹ	3.250.751.153	600.000.000
<i>Ký cược, ký quỹ dài hạn cho dự án Đường sắt Yên Viên - Phả Lại (*)</i>	<i>2.445.751.153</i>	-
<i>Ký cược, ký quỹ dài hạn khác</i>	<i>805.000.000</i>	<i>600.000.000</i>
Phải thu dài hạn khác	464.726.201	-
Cộng	3.715.477.354	600.000.000
c. Phải thu khác là các bên liên quan		
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics	3.793.213.495	3.793.213.495
Cộng	3.793.213.495	3.793.213.495
d. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	4.248.847	-
Cộng	4.248.847	-

- (*) Khoản ký quỹ bằng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 22 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - chi nhánh Đông Hà Nội với giá trị 2.450.000.000 đồng để bảo lãnh mua sắm hàng hóa thuộc dự án tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân theo Hợp đồng số 05/HĐ-CĐSVN ngày 30 tháng 5 năm 2007. Hiệu lực của bảo lãnh từ ngày 28 tháng 12 năm 2015 đến ngày 19 tháng 11 năm 2017. Giá trị khoản bảo lãnh là 2.445.751.153 đồng được trình bày tại khoản mục Phải thu dài hạn khác. Giá trị còn lại của Hợp đồng tiền gửi là 4.248.847 đồng được trình bày tại khoản mục Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT

Số 118 Lê Duẩn, P.Cửa Nam, Q.Hoàn Kiếm

Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5. Nợ xấu**

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.091.161.290	100.298.489	(990.862.801)	1.091.161.290	305.410.401	(785.750.889)
Công ty TNHH Dũng Ngọc	427.334.750	-	(427.334.750)	427.334.750	-	(427.334.750)
Công ty TNHH Unilever VN	112.221.440	-	(112.221.440)	112.221.440	-	(112.221.440)
Phải thu quá hạn các khách hàng khác	551.605.100	100.298.489	(451.306.611)	551.605.100	305.410.401	(246.194.699)
b. Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn.	1.091.161.290	1.091.161.290	-	1.091.161.290	1.091.161.290	-

Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, Công ty đánh giá vẫn có khả năng thu hồi các khoản công nợ nêu trên.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	979.162.300	-	98.314.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	59.719.418	-
Hàng hoá	3.788.051.787	-	3.618.163.966	-
Cộng	4.767.214.087	-	3.776.197.384	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. Chi phí trả trước

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	3.529.725.872	-
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	180.400.605	-
- Các khoản chi phí khác	356.399.986	7.500.000
Cộng	4.066.526.463	7.500.000
b) Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.937.604.430	6.023.265.919
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	267.148.180	769.720.020
- Các khoản chi phí khác	598.686.540	994.034.189
Cộng	3.803.439.150	7.787.020.128

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT

Số 118 Lê Duẩn, P.Cửa Nam, Q.Hoàn Kiếm

Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	12.235.596.627	749.846.728	24.839.104.488	520.852.763	-	38.345.400.606
Mua trong năm	2.977.826.027	-	14.525.778.871	169.350.000	120.000.000	17.792.954.898
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	636.000.000	-	-	636.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.003.843.851)	-	-	(2.003.843.851)
Tại ngày 31/12/2015	15.213.422.654	749.846.728	37.997.039.508	690.202.763	120.000.000	54.770.511.653
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	5.835.758.321	168.162.927	4.883.348.278	380.624.598	-	11.267.894.124
Khấu hao trong năm	555.880.405	71.401.055	3.996.421.722	58.356.916	6.666.667	4.688.726.765
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(874.283.500)	-	-	(874.283.500)
Tại ngày 31/12/2015	6.391.638.726	239.563.982	8.005.486.500	438.981.514	6.666.667	15.082.337.389
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2015	6.399.838.306	581.683.801	19.955.756.210	140.228.165	-	27.077.506.482
Tại ngày 31/12/2015	8.821.783.928	510.282.746	29.991.553.008	251.221.249	113.333.333	39.688.174.264

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3.939.372.880 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.701.407.318 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2015	529.170.000	529.170.000
Mua trong năm		-
Tại ngày 31/12/2015	529.170.000	529.170.000
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2015	410.698.978	410.698.978
Khấu hao trong năm	113.432.308	113.432.308
Tại ngày 31/12/2015	524.131.286	524.131.286
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2015	118.471.022	118.471.022
Tại ngày 31/12/2015	5.038.714	5.038.714

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí cải tạo khách sạn Mango Hotel (*)	1.573.888.275	1.573.888.275
Chi phí thiết kế thùng xe P	151.604.000	120.000.000
Cộng	1.725.492.275	1.693.888.275

(*) Các chi phí cải tạo khách sạn Mango Hotel bao gồm các chi phí sửa chữa tầng 2 của khách sạn như sửa chữa tường, lát sàn gỗ, quét sơn lại, chống thấm, lắp đặt hệ thống điện, thi công nội thất, thiết bị.... Các chi phí này chưa được quyết toán do công việc sửa chữa đang bị tạm dừng. Ban Tổng Giám đốc dự kiến sẽ quyết toán phần giá trị sửa chữa này trong năm 2016.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ lãi chưa thực hiện do góp vốn bằng tài sản cố định vào Công ty con	248.325.000	432.142.997
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ lãi chưa thực hiện do giao dịch bán hàng nội bộ	29.788.000	29.788.000
Cộng	278.113.000	461.930.997

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT

Số 118 Lê Duẩn, P.Cửa Nam, Q.Hoàn Kiếm

Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****12. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Các khoản được điều chỉnh tăng/giảm giá trị ghi sổ của
khoản đầu tư trong năm

	Giá gốc của khoản đầu tư VND	Giá trị ghi sổ lũy kế tại thời điểm đầu năm VND	Khoản điều chỉnh tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/lỗ của công ty liên doanh, liên kết trong năm VND	Phân phối lợi nhuận của Công ty liên kết, liên doanh trong năm VND	Giá trị ghi sổ lũy kế tại thời điểm cuối năm VND
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics {i}	7.857.150.000	10.136.817.611	4.424.425.160	2.107.000.000	12.454.242.771
Công ty TNHH Logistics đường sắt ITL {ii}	1.000.000.000	817.930.673	20.389.685	-	838.320.358
Cộng	8.857.150.000	10.954.748.284	4.444.814.845	2.107.000.000	13.292.563.129

Chi tiết các khoản đầu tư liên doanh, liên kết

- {i} Khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH NR Greenlines Logistics theo Hợp đồng liên doanh ngày 26 tháng 12 năm 2007 giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt và Nissin Corporation. Theo đó, Công ty góp 49% vốn điều lệ của Công ty TNHH NR Greenlines Logistics tương ứng với 490.000 USD, tương đương với 7.857.150.000 đồng. Công ty được bổ nhiệm 02 trong 04 thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH NR Greenlines Logistics, Chủ tịch Hội đồng Thành viên là người do Công ty bổ nhiệm. Tổng Giám đốc là người do Nissin Corporation bổ nhiệm. Như vậy mặc dù tỷ lệ vốn góp là 49% nhưng Công ty có quyền đồng kiểm soát trong Công ty TNHH NR Greenlines Logistics. Vì vậy khoản đầu tư này được trình bày là khoản đầu tư vào công ty liên doanh và được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- {ii} Căn cứ vào Hợp đồng liên doanh và Phụ lục điều chỉnh của Hợp đồng liên doanh ngày 20 tháng 03 năm 2014 giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt với Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển In Do Trần để thành lập Công ty TNHH Logistics đường sắt ITL (được đổi tên từ Công ty TNHH ITL Ratraco, gọi tắt là "ITL"), thời hạn hoạt động của ITL là 40 năm, vốn điều lệ của ITL là 5 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường Sắt góp 1 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ của ITL). Theo quy định của Hợp đồng liên doanh, Công ty được chỉ định 02 trên tổng số 04 thành viên của Hội đồng Thành viên của ITL, Chủ tịch Hội đồng Thành viên được bầu từ 02 người do Công ty đề cử. Giám đốc và kế toán trưởng của ITL do Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển In Do Trần đề cử. Công ty được đề cử 01 Phó Giám đốc. Tuy nhiên, hiện tại Chủ tịch Hội đồng Thành viên và Tổng Giám đốc của ITL đều là người do In Do Trần chỉ định. Do đó, khoản đầu tư này được trình bày là khoản đầu tư vào công ty liên kết và được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT

Số 118 Lê Duẩn, P.Cửa Nam, Q.Hoàn Kiếm

Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Liên Việt	1.708.500.000	-	(1.396.285.050)	1.708.500.000	-	-
Cộng	1.708.500.000	(*)	(1.396.285.050)	1.708.500.000	(*)	-

Khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Liên Việt với tỷ lệ 14,24% vốn điều lệ tương ứng với 1.708.500.000 đồng trên tổng số 12.000.000.000 vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Liên Việt. Theo Quyết định số 196/QĐ-LVT ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Liên Việt, Đại hội đồng Cổ đông quyết định giải thể Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Liên Việt từ ngày 16 tháng 10 năm 2015 do công ty hoạt động không hiệu quả. Theo phương án giải thể của Công ty Liên Việt, dự kiến số tiền còn lại sau khi công ty đã thực hiện hết các nghĩa vụ nợ được dùng để chia cho các cổ đông là 2.192.905.713 đồng. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, do Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Liên Việt chưa hoàn thành các thủ tục có liên quan đến việc giải thể doanh nghiệp nên khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Liên Việt tiếp tục được trình bày là khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt.

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT

Số 118 Lê Duẩn, P.Cửa Nam, Q.Hoàn Kiếm

Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	52.307.092.316	52.307.092.316	52.969.232.180	52.969.232.180
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	12.477.489.642	12.477.489.642	12.578.176.843	12.578.176.843
Cộng	64.784.581.958	64.784.581.958	65.547.409.023	65.547.409.023
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	52.307.092.316	52.307.092.316	52.969.232.180	52.969.232.180
Cộng	52.307.092.316	52.307.092.316	52.969.232.180	52.969.232.180

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng thầu gói (EPC) Dự án HDH TTTH ĐS Vinh - Sài Gòn	1.811.528.353	1.811.528.353	1.811.528.353	1.811.528.353
Ban quản lý dự án đường sắt	5.084.780.156	5.084.780.156	1.546.260.628	1.546.260.628
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	203.000.454	203.000.454	545.871.930	545.871.930
Cộng	7.099.308.963	7.099.308.963	3.903.660.911	3.903.660.911

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT

Số 118 Lê Duẩn, P.Cửa Nam, Q.Hoàn Kiếm

Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****16. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	31/12/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp / bù trừ trong năm	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	-	2.222.783	-	2.222.783
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.962.633	-	14.798.307	16.164.326
Cộng	30.962.633	2.222.783	14.798.307	18.387.109
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	757.430.787	65.561.299.208	64.939.792.224	135.923.803
Thuế xuất nhập khẩu	5.952.361	-	-	5.952.361
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.639.952.394	1.660.937.315	1.391.367.495	1.370.382.574
Thuế thu nhập cá nhân	53.468.906	162.298.483	129.945.370	21.115.793
Các loại thuế khác {i}	15.327.126.000	17.947.081.600	7.087.331.600	4.467.376.000
Cộng	17.783.930.448	85.331.616.606	73.548.436.689	6.000.750.531

{i} Số dư các loại thuế khác là phần phải nộp kinh phí sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT

Số 118 Lê Duẩn, P.Cửa Nam, Q.Hoàn Kiếm

Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	278.087.000	364.614.287
Trích trước chi phí hoạt động	419.385.283	1.238.549.108
Cộng	697.472.283	1.603.163.395

18. Phải trả khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	86.524.147	123.488.937
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	78.351.512	44.363.763
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.375.946.436	3.278.672.022
- Tổng công ty Đường sắt Việt Nam {i}	2.979.623.000	2.619.923.000
- Các khoản phải trả khác	1.396.323.436	658.749.022
Cộng	4.540.822.095	3.446.524.722
b. Phải trả dài hạn khác		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	21.500.000	286.700.000
Cộng	21.500.000	286.700.000
c. Phải trả khác các bên liên quan		
- Tổng công ty Đường sắt Việt Nam {i}	2.979.623.000	2.619.923.000
Cộng	2.979.623.000	2.619.923.000

{i} Phải trả cổ tức và các khoản phải trả khác từ trước năm 2014 cho Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam số tiền là 2.619.923.000 đồng và tiền phạt bồi thường chậm tàu là 359.700.000 đồng trong năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay ngắn hạn	16.323.000.000	16.323.000.000	32.948.000.000	25.731.000.000	9.106.000.000	9.106.000.000
Vay cá nhân {i}	6.323.000.000	6.323.000.000	12.948.000.000	15.731.000.000	9.106.000.000	9.106.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex {ii}	10.000.000.000	10.000.000.000	20.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số V.20)	1.762.494.000	1.762.494.000	1.762.494.000	-	-	-
Cộng	18.085.494.000	18.085.494.000	34.710.494.000	25.731.000.000	9.106.000.000	9.106.000.000

{i} Hợp đồng vay vốn cá nhân nhằm bổ sung vốn lưu động với thời hạn vay từ 6 đến 12 tháng. Khoản vay cá nhân chịu lãi suất từ 6%/năm đến 12%/năm.

{ii} Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng hạn mức số 106.0942/2015/HĐTDHM-DN/PGBHN tháng 9/2015. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 20 tỷ đồng trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời hạn của từng khoản giải ngân là 3 tháng, lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ là 9%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Gốc vay trả vào thời điểm hết hạn, lãi vay trả ngày 25 hàng tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT

Số 118 Lê Duẩn, P.Cửa Nam, Q.Hoàn Kiếm

Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 09-DN/HN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****20. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay dài hạn	9.016.994.500	9.016.994.500	9.512.472.000	495.477.500	-	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex {i}	8.316.994.500	8.316.994.500	8.812.472.000	495.477.500	-	-
Vay cá nhân {ii}	700.000.000	700.000.000	700.000.000	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số V.19)	(1.762.494.000)	(1.762.494.000)	-	1.762.494.000	-	-
Cộng	7.254.500.500	7.254.500.500	9.512.472.000	2.257.971.500	-	-

{i} Theo Hợp đồng tín dụng số 106.1130/2015/HĐTD-DN/PGBHN giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh HN, tổng hạn mức tín dụng là 9.489.000.000 đồng với thời hạn 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất vay 10,5%/năm trong 3 tháng đầu tiên. Lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần và được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ cộng với biên độ theo quy định nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu đối với khách hàng doanh nghiệp của Ngân hàng từng thời kỳ. Mục đích vay để đầu tư 6 xe đầu kéo và 12 xe somi - rơ moóc, 01 xe oto bán tải Toyota Mazada. Gốc và lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 26 hàng tháng theo từng Giấy nhận nợ. Công ty sử dụng tài sản được hình thành từ vốn vay để đảm bảo khoản vay trên. Tổng giá trị tài sản đảm bảo tạm tính là 13.719.050.818 đồng. Lãi suất vay quy định cụ thể theo từng Giấy nhận nợ. Tiền lãi vay trong hạn được tính bằng = (Dư nợ gốc vay thực tế) x (Số ngày thực tế của kỳ tính lãi) x (Lãi suất vay tính theo năm) : 360 ngày. Lãi quá hạn được tính bằng 150% lãi vay trong hạn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã rút vốn với tổng số tiền 8.812.472.000 đồng.

{ii} Vay cá nhân Bà Vũ Minh Thùy theo Hợp đồng số 22/RAT-2015 ngày 13 tháng 10 năm 2015. Số tiền vay 700.000.000 đồng trong thời hạn 2 năm kể từ ngày nhận nợ, lãi suất 12%/năm. Lãi và gốc trả 1 lần khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

20. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.762.494.000	-
Trong năm thứ hai	2.462.494.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	4.792.006.500	-
Sau năm năm	-	-
Cộng	9.016.994.500	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	1.762.494.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	7.254.500.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT

Số 118 Lê Duẩn, P.Cửa Nam, Q.Hoàn Kiếm

Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****21. Vốn chủ sở hữu****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa PP VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	31.218.410.000	194.384.000	2.534.167.976	763.278.578	4.864.013.584	39.574.254.138
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	6.676.540.270	6.676.540.270
Phân phối lợi nhuận	-	-	494.522.596	-	(494.522.596)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(540.565.000)	(540.565.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(4.370.569.000)	(4.370.569.000)
Phân loại theo hướng dẫn kế toán	-	-	763.278.578	(763.278.578)	-	-
Giảm khác	-	-	(15.000.000)	-	-	(15.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	31.218.410.000	194.384.000	3.776.969.150	-	6.134.897.258	41.324.660.408
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	10.768.629.609	10.768.629.609
Phân phối lợi nhuận {i}	-	-	586.204.534	-	(586.204.534)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi {i}	-	-	-	-	(667.654.000)	(667.654.000)
Chia cổ tức {i}	-	-	-	-	(4.058.400.000)	(4.058.400.000)
Tăng khác {ii}	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2015	31.218.410.000	194.384.000	4.363.173.684	-	12.091.268.333	47.867.236.017

{i} Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2014 trên cơ sở số dư khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cộng thêm phần lợi nhuận mà Công ty được chia cho năm 2014 từ các công ty con, đã nhận được trong năm 2015. Tổng số lợi nhuận phân phối trong năm 2015 là 5.312.258.534 đồng, chưa vượt quá số dư khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Điều này là phù hợp với các quy định hiện hành về phân phối lợi nhuận.

{ii} Điều chỉnh tăng Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước do năm 2013 trích thừa quỹ khen thưởng phúc lợi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	10.926.440.000	22.950.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	20.291.970.000	8.268.410.000
Cộng	31.218.410.000	31.218.410.000

c) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	3.121.841	3.121.841
- Cổ phần phổ thông	3.121.841	3.121.841
Số lượng cổ phần đang lưu hành	3.121.841	3.121.841
- Cổ phần phổ thông	3.121.841	3.121.841

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

22. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại số 118, đường Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty không có chi nhánh nào khác. Các công ty con của Công ty đều đặt tại Hà Nội. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 02 (hai) bộ phận hoạt động: bộ phận vận tải và bộ phận cung cấp dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận vận tải: vận tải hàng hóa bằng đường sắt;

Bộ phận cung cấp dịch vụ khác: kinh doanh nhà hàng, khách sạn; dịch vụ vé tàu khách; cung cấp dịch vụ quảng cáo, xuất nhập khẩu, du lịch, thương mại hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****22. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)****Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

	Vận tải VND	Dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	47.040.200.862	68.385.500.069	115.425.700.931
Tài sản không phân bổ			57.073.002.082
Tổng tài sản			172.498.703.013
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	59.224.900.825	13.162.978.588	72.387.879.413
Nợ phải trả không phân bổ			52.243.587.583
Tổng nợ phải trả			124.631.466.996

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2015

	Vận tải VND	Dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	53.363.324.800	14.558.544.852	67.921.869.652
Tài sản không phân bổ			65.678.237.908
Tổng tài sản			133.600.107.560
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	58.782.839.587	11.985.658.397	70.768.497.984
Nợ phải trả không phân bổ			21.506.949.168
Tổng nợ phải trả			92.275.447.152

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Vận tải VND	Dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	335.237.263.226	41.938.317.492	377.175.580.718
Tổng doanh thu	335.237.263.226	41.938.317.492	377.175.580.718
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	309.401.507.473	39.048.862.930	348.450.370.403
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả kinh doanh bộ phận	25.835.755.753	2.889.454.562	28.725.210.315
Chi phí không phân bổ			17.919.764.840
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			10.805.445.475
Doanh thu từ các khoản đầu tư			4.574.990.793
Lợi nhuận khác			(290.369.327)
Chi phí tài chính			2.595.600.017
Lợi nhuận trước thuế			12.494.466.924
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			1.725.837.315
Lợi nhuận trong năm			10.768.629.609

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Vận tải VND	Dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	289.464.195.516	58.432.515.603	347.896.711.119
Tổng doanh thu	289.464.195.516	58.432.515.603	347.896.711.119
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	272.796.486.577	54.386.059.271	327.182.545.848
Kết quả hoạt động kinh doanh			-
Kết quả kinh doanh bộ phận	16.667.708.939	4.046.456.332	20.714.165.271
Chi phí không phân bổ			14.154.161.539
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			6.560.003.732
Doanh thu từ các khoản đầu tư			2.915.548.972
Lợi nhuận khác			(755.707.598)
Chi phí tài chính			709.401.357
Lợi nhuận trước thuế			8.010.443.749
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			1.333.903.479
Lợi nhuận trong năm			6.676.540.270

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	377.175.580.718	347.898.361.119
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu kinh doanh vận tải đường sắt	221.229.248.101	155.912.467.391
- Doanh thu dịch vụ vận tải	114.008.015.125	133.551.728.125
- Doanh thu dịch vụ khác	41.938.317.492	58.434.165.603
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	1.650.000
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		1.650.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	377.175.580.718	347.896.711.119

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn kinh doanh vận tải đường sắt	211.277.004.432	154.822.938.297
Giá vốn dịch vụ vận tải	98.124.503.041	117.973.548.280
Giá vốn dịch vụ khác	39.048.862.930	54.386.059.271
Cộng	348.450.370.403	327.182.545.848

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	129.038.533	571.698.346
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	-	465.520.633
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.137.415	-
Cộng	130.175.948	1.037.218.979

4. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.199.314.967	701.969.839
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	7.431.518
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.396.285.050	-
Cộng	2.595.600.017	709.401.357

5. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	262.746.012	-
Các khoản thu nhập khác	57.458.733	22.131.136
Cộng	320.204.745	22.131.136

6. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Các khoản phạt và bồi thường	370.870.041	156.199.493
Chi phí chạy thử	-	420.597.453
Các khoản chi phí khác	239.704.031	201.041.788
Cộng	610.574.072	777.838.734

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**7. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
a. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Chi phí thuế TNDN hiện hành của Công ty mẹ	1.584.093.640	977.735.222
Chi phí thuế TNDN hiện hành của các Công ty con	76.843.675	408.801.044
Cộng	1.660.937.315	1.386.536.266
b. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	64.900.000	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(52.632.787)
Cộng	64.900.000	(52.632.787)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.768.629.609	6.676.540.270
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm (*)	821.216.196	667.654.000
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	9.947.413.413	6.008.886.270
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.121.841	3.121.841
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.186	1.925

- (*) Theo hướng dẫn trình bày chi tiêu “mã số 70 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu” trên Báo cáo kết quả kinh doanh của thông tư 200, phần “Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu” được tính bằng “Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông” trừ (-) “Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ Lợi nhuận sau thuế”. Đây là hướng dẫn mới của thông tư 200 do đó số liệu của năm so sánh 2014 được trình bày lại để số liệu so sánh năm 2014 và 2015 được hợp lý hơn và không mang tính chất Hồi tố số liệu Báo cáo tài chính năm 2014.

Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014 là số liệu thực tế Công ty đã trích trong năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích trong năm 2015 ước tính bằng tỷ lệ trích quỹ khen thưởng năm 2014 (10% Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) nhân với số dư khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	830.350.331	5.369.048.094
Chi phí nhân công	20.015.850.305	18.064.462.197
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.802.159.073	2.772.169.093
Chi phí dịch vụ mua ngoài	336.699.676.101	240.970.845.320
Chi phí khác bằng tiền	2.929.459.756	5.504.918.886
Cộng	365.277.495.566	272.681.443.590

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.19 và V.20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Các khoản vay	25.339.994.500	9.106.000.000
<i>Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>19.778.112.387</i>	<i>11.002.906.391</i>
Nợ thuần	5.561.882.113	-
Vốn chủ sở hữu	47.867.236.017	41.324.660.408
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	11,62%	0,00%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.778.112.387	11.002.906.391
Phải thu khách hàng và phải thu khác	71.205.161.771	66.321.675.147
Đầu tư dài hạn	1.712.748.847	1.708.500.000
Cộng	92.696.023.005	79.033.081.538
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	25.339.994.500	9.106.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	69.346.904.053	69.280.633.745
Cộng	94.686.898.553	78.386.633.745

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.778.112.387	-	19.778.112.387
Phải thu khách hàng và phải thu khác	67.489.684.417	3.715.477.354	71.205.161.771
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	1.712.748.847	1.712.748.847
Cộng	87.267.796.804	5.428.226.201	92.696.023.005
Tại 31/12/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	69.325.404.053	21.500.000	69.346.904.053
Các khoản vay	18.085.494.000	7.254.500.500	25.339.994.500
Cộng	87.410.898.053	7.276.000.500	94.686.898.553
Chênh lệch thanh khoản thuần	(143.101.249)	(1.847.774.299)	(1.990.875.548)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.002.906.391	-	11.002.906.391
Phải thu khách hàng và phải thu khác	65.721.675.147	600.000.000	66.321.675.147
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	1.708.500.000	1.708.500.000
Cộng	76.724.581.538	2.308.500.000	79.033.081.538
Tại 01/01/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	68.993.933.745	286.700.000	69.280.633.745
Các khoản vay	9.106.000.000	-	9.106.000.000
Cộng	78.099.933.745	286.700.000	78.386.633.745
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.375.352.207)	2.021.800.000	646.447.793

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
Công ty TNHH NR Greenlines Logistic
Công ty TNHH ITL Ratraco

Chủ sở hữu
Công ty liên doanh
Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng		
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics	87.550.462.799	77.513.454.418
Cộng	87.550.462.799	77.513.454.418
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	184.127.071.574	137.588.901.513
Cộng	184.127.071.574	137.588.901.513
Cổ tức nhận trong năm		
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics	2.107.000.000	-
Cộng	2.107.000.000	-
Cổ tức đã trả trong năm		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	2.983.500.000	6.885.000.000
Các cổ đông khác	1.074.900.000	1.157.569.000
Cộng	4.058.400.000	8.042.569.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.101.741.000	693.635.154
Cộng	1.101.741.000	693.635.154

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Như trình bày tại thuyết minh I, theo phương án giải thể của Công ty Liên Việt, dự kiến số tiền còn lại sau khi công ty đã thực hiện hết các nghĩa vụ nợ được dùng để chia cho các cổ đông là 2.192.905.713 đồng. Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Liên Việt là 14,24% vốn điều lệ tương ứng với 1.708.500.000 đồng. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, do Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Liên Việt chưa hoàn thành các thủ tục có liên quan đến việc giải thể doanh nghiệp nên dự kiến giá trị khoản đầu tư có thể được thu hồi trong năm 2016 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Liên Việt là 312.214.951 đồng.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán (Tiếp theo)**

Như trình bày tại thuyết minh I, theo Quyết định số 110/QĐ-RAT-HĐQT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt về việc giải thể Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển đường sắt Sài Gòn Ratracco, Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển đường sắt Sài Gòn Ratracco được giải thể kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển đường sắt Sài Gòn Ratracco đã thực hiện các thủ tục thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế. Đồng thời, Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển đường sắt Sài Gòn Ratracco đã đề nghị Chi cục thuế Thị xã Dĩ An thực hiện quyết toán thuế cho mục đích giải thể doanh nghiệp. Tuy nhiên, đến thời điểm kết thúc năm tài chính 2015, Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển đường sắt Sài Gòn Ratracco chưa hoàn thành các thủ tục có liên quan đến việc giải thể doanh nghiệp. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vẫn bao gồm số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển đường sắt Sài Gòn Ratracco.

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải điều chỉnh hay trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế.

Như trình bày tại Thuyết minh III, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán được phân loại lại cho phù hợp với số liệu so sánh của kỳ này. Cụ thể như sau:

TÀI SẢN	Mã số	Số đã trình bày theo QĐ 15	Phân loại lại	Trình bày lại theo TT 200 và TT 202
		VND	VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	83.198.042.372	-	83.198.042.372
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	55.410.416.624	10.489.803.387	65.900.220.011
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.775.916.286	10.489.803.387	15.265.719.673
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	13.008.521.973	(10.489.803.387)	2.518.718.586
3. Tài sản ngắn hạn khác	155	10.489.803.387	(10.489.803.387)	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	50.402.065.188	-	50.402.065.188
II. Tài sản cố định	210	28.889.865.779	(1.693.888.275)	27.195.977.504
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	218	1.693.888.275	(1.693.888.275)	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	-	1.693.888.275	1.693.888.275
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	1.693.888.275	1.693.888.275
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	133.600.107.560	-	133.600.107.560

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**4. Số liệu so sánh (Tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Số đã trình bày theo QĐ 15	Phân loại lại	Trình bày lại theo TT 200 và TT 202
		VND	VND	VND
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	41.324.660.408	-	41.324.660.408
I. Vốn chủ sở hữu	410	41.324.660.408	-	41.324.660.408
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	3.013.690.572	763.278.578	3.776.969.150
Quỹ dự phòng tài chính		763.278.578	(763.278.578)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	133.600.107.560	-	133.600.107.560



Phạm Thị Quyên

Người lập

Ngày 31 tháng 03 năm 2016



Phạm Thị Quyên

Phụ trách kế toán



Nguyễn Tuấn Vinh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

